

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày 27/7/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Đào Sỹ Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST - DS ngày 04 tháng 03 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXX-DS ngày 3 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1978.

Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình. có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Quách Văn T, sinh năm 1973. Đề nghị xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người làm chứng; Quách Văn U, sinh năm 1975. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/2/2020 và bản tự khai ngày 4/3/2020., biên bản hòa giải ngày 12 tháng 05 năm 2020 và tại phiên tòa,

Ông Q trình bày: Ngày 16/02/2009 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N có cho bà Vũ Thị H, chồng là Quách Văn T vay số tiền là 30.000.000 đồng thuộc tổ tiết kiệm và vay vốn của ông Quách Văn U, thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình do Hội phụ nữ thôn Đ quản lý. Mục đích vay vốn là chăn nuôi bò thuộc chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn. Hạn trả nợ món vay trên là ngày 16/12/2012, gia hạn nợ đến ngày 16/6/2014. Đến ngày 06/7/2014 chuyển nợ quá hạn.

Từ ngày 06/7/2014 đến nay mặc dù tổ tiết kiệm và vay vốn, Hội phụ nữ xã T, UBND xã T và phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N nhiều lần phối hợp đôn đốc trả nợ (Có các biên bản đôn đốc ngày 19/7/2018, ngày 12/8/2018, 20/8/2018) tuy nhiên bà Vũ Thị H vẫn chưa thanh toán số tiền gốc quá hạn và số tiền lãi phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N. Việc bà H để chậm thanh toán cho phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N là vi phạm quy định, đi ngược lại cam kết ban đầu giữa hộ vay và Ngân hàng chính sách xã hội khi vay vốn.

Yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Quách Văn T phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 27/07/2020 là 33.482.297 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 27/07/2020 đến nay.

Ý kiến bà H: Tại lời khai ngày 02/5/2020 bà trình bày. Vào năm 2009 bà có quen bà Lê Thị L ở phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Qua mối quan hệ của anh Quách Văn L ở thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình đã mượn số vay vốn hộ nghèo của gia đình bà là Vũ Thị H để vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) khi làm xong thủ tục vay vốn thì bà là người trực tiếp nhận tiền, sau đó chị đã đưa cho anh L mang trực tiếp vào nhà bà Lê Thị L để giao tiền cho bà L và từ đó đến nay gia đình chị cũng không trả lãi và gốc cho Ngân hàng.

Bà đề nghị Tòa án triệu tập bà L để yêu cầu bà L trả nợ số tiền gốc và lãi của Ngân hàng thay cho vợ chồng bà.

Ý kiến của ông Quách Văn T: Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2020 ông trình bày: Vợ ông có vay vốn của Ngân hàng chính sách ông có biết sự việc trên nhưng ông không tiêu số tiền trên mà do vợ ông giao lại cho anh L để cho bà L vay vốn gia đình ông hiện nay khó khăn nên không trả được lãi và gốc cho Ngân hàng. Gia đình ông sẽ khởi kiện bà L để đòi nợ số tiền đã cho bà L vay. Nếu bà L trả cho gia đình ông thì gia đình sẽ trả nợ cho Ngân hàng. Đề nghị Tòa án và Ngân hàng chấp nhận.

Tại biên bản hòa giải ngày 2 tháng 5 năm 2020 và tại phiên tòa .

Ý kiến ông Q: Ông không chấp nhận ý kiến của bà H yêu cầu Tòa án triệu tập bà L để bà L thay vợ chồng bà H, ông T trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N vì đó là việc riêng của bà H với ông L và bà L. Bà H là người trực tiếp vay và ký nhận tiền từ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, không có liên quan gì đến bà L. Ông Q vẫn giữ nguyên ý kiến như đơn khởi kiện và bản tự khai.

Ý kiến bà H: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện không đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 BLTTDS 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Buộc bà Vũ Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Quách Văn T phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 27/07/2020 là 33.482.297 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 27/07/2020.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình không phải chịu.

Bà Vũ Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Quách Văn T là bên có lỗi trong hợp đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 3.174.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về hình T, nội dung đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự cần được xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho các đương sự. Đến ngày 3 tháng 7 năm 2020. Tòa án nhân dân huyện N đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về nội dung án: Đối với ý kiến của Phòng giao dịch NHCSXH huyện N, tỉnh Ninh Bình, do Ông Vũ Văn Q là đại diện khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Buộc bà Vũ Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Quách Văn T phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 27/07/2020 là 33.482.297 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 27/07/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định:

Hợp đồng dân sự giữa Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N và vợ chồng bà Vũ Thị H và ông Quách Văn T được phát sinh từ giao dịch dân sự. Từ đó hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi vay đã ký kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N và vợ chồng bà H, ông T đã được xác lập và hình thành, quyền và nghĩa vụ của các bên đã phát sinh và chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Đối với Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong việc giao tiền đúng hạn và đầy đủ đúng số lượng tiền như đã ký kết. Quá trình ký kết hồ sơ vay vốn và trực tiếp ký nhận tiền vay tại ngân hàng chính sách xã hội là do bà H thực hiện. Việc trả nợ theo hợp đồng thì bà H và ông T đã không thực hiện đúng như trong hợp đồng đã ký kết đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Quan hệ vợ chồng bà H và ông T vẫn tồn tại cả về pháp lý và thực tế. Các giao dịch dân sự cũng như hợp đồng phát sinh sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng và gia đình do vợ hoặc chồng đã thực hiện thì vợ chồng có các quyền và nghĩa vụ chung theo quy định của pháp luật. Vì vậy ông T cũng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm cùng với bà H trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N. Đối với bà H và ông T từ ý kiến và đề nghị của ông, bà và những lý do hai người đưa ra trong việc vay vốn của Ngân hàng chính sách, là khi nào gia đình ông, bà đòi nợ được bà L thì sẽ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội là không có cơ sở pháp lý nên không thể chấp nhận vì bà L không có sự liên quan nào đến việc vay vốn của vợ chồng bà H và không có căn cứ nào để xác định trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội thuộc về bà L. Quan hệ giữa vợ chồng bà H và bà L thuộc về quan hệ dân sự khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu vợ chồng bà H có yêu cầu khởi kiện bà L sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N là có căn cứ đúng quy định tại các điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N; Buộc bà Vũ Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Quách Văn T phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 27/07/2020 là 33.482.297 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 27/07/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình không phải chịu.

Bà Vũ Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Quách Văn T là bên có lỗi trong hợp đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 3.174.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Tuyên theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Buộc bà Vũ Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Quách Văn T phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 27/07/2020 là 33.482.297 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 27/07/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà vợ chồng bà H, ông T phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng vợ chồng H, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Vũ Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Quách Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 3.174.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Phòng giao dịch NHCSXH huyện N, tỉnh Ninh Bình, bà Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Quách Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- Dương sự
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hà Minh Lực

